

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỒNG HỖ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *24*/UBND-NN&PTNT
V/v triển khai công tác tiêm phòng
vắc xin gia súc, gia cầm và đàn chó,
mèo đợt 2 năm 2018.

Đồng Hỷ, ngày 05 tháng 9 năm 2018

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn;
- Các phòng, ngành liên quan;

Căn cứ Quyết định số 3914/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc giao chỉ tiêu tiêm phòng vắc xin cho đàn gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên năm 2018; Quyết định số 7368/QĐ-UBND ngày 27/12/2017 của UBND huyện Đồng Hỷ về việc giao kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội huyện Đồng Hỷ năm 2018;

Thực hiện Kế hoạch số 15/KH-UBND ngày 17/01/2018 của UBND huyện về việc tiêm phòng vắc xin gia súc, gia cầm và đàn chó, mèo năm 2018 và kết quả tiêm phòng vắc xin gia súc, gia cầm và đàn chó, mèo đợt 1 năm 2018. UBND huyện triển khai công tác tiêm phòng vắc xin cho đàn gia súc, gia cầm và đàn chó mèo đợt 2 năm 2018 theo các nội dung sau:

1. UBND các xã, thị trấn:

- Thực hiện triển khai tiêm phòng vắc xin cho đàn vật nuôi đợt 2/2018, phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên phụ trách các xóm, tổ. Lập danh sách tổ, đội tiêm phòng và tổ chức tiêm đợt 2 theo đúng kế hoạch 15/KH-UBND ngày 17/01/2018 của UBND huyện.

- Rà soát, thống kê tổng đàn gia súc, gia cầm và đàn chó mèo trong diện tiêm trên địa bàn. Căn cứ số lượng tổng đàn vật nuôi, kết quả thực hiện tiêm phòng đợt 1/2018 và chỉ tiêu UBND huyện giao để đăng ký số lượng vắc xin cụ thể từng chủng loại với trạm Chăn nuôi và Thú y huyện.

- Tuyên truyền Kế hoạch tiêm phòng cho mọi người dân biết và thực hiện đồng thời quán triệt tổ, đội tiêm phòng thực hiện đúng yêu cầu kỹ thuật. Đảm bảo tiêm phòng triệt để cho đàn gia súc, gia cầm và đàn chó mèo trong diện tiêm theo đúng kế hoạch.

- Thời gian thực hiện tiêm phòng đợt 2: Từ **15/9** đến **15/10/2018**.

- Tổng hợp kết quả, lập chứng từ quyết toán theo đúng biểu mẫu, nộp về trạm Chăn nuôi và Thú y trước ngày **22/10/2018** và chịu trách nhiệm trước UBND huyện về số liệu quyết toán.

- Đối với các xã, thị trấn không kiên quyết trong triển khai thực hiện, tổ chức tiêm phòng không đạt, để dịch bệnh xảy ra cho đàn vật nuôi thì chủ tịch UBND xã, thị trấn phải chịu trách nhiệm trước UBND huyện và phải có văn bản giải trình cụ thể.

2. Phòng Nông nghiệp và PTNT:

Phối hợp với trạm Chăn nuôi và Thú y huyện triển khai thực hiện kế hoạch theo tiến độ; Liên hệ với cơ quan chuyên môn đảm bảo cung ứng đủ lượng vắc xin và vật tư cần thiết đáp ứng yêu cầu của các xã, thị trấn; Dự trù kinh phí và phối hợp hướng dẫn thanh quyết toán vắc xin, công tiêm phòng; kiểm tra, đôn đốc các xã thị trấn triển khai thực hiện tại cơ sở.

3. Trạm Chăn nuôi và Thú y:

- Chủ động xây dựng kế hoạch về thời gian, địa điểm và triển khai thực hiện tốt nội dung kế hoạch tiêm phòng đợt 2/2018; Tổ chức các lớp tập huấn hướng dẫn về kỹ thuật tiêm phòng, cách sử dụng và bảo quản vắc xin cho đội ngũ tham gia tiêm phòng;

- Hướng dẫn, chỉ đạo kỹ thuật tiêm phòng và xử lý biến cố khi xảy ra; Đôn đốc tiến độ tiêm phòng và thanh quyết toán đầy đủ, đúng thời gian quy định; Tổng hợp báo cáo tiến độ tiêm phòng cho BCD và UBND huyện.

4. Trạm Khuyến nông:

Tuyên truyền, tập huấn kỹ thuật, vận động người chăn nuôi thực hiện tốt việc chấp hành Luật Thú y; Hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc công tác tiêm phòng và thanh quyết toán sau khi kết thúc tiêm phòng ở cơ sở.

5. Đài Truyền thanh truyền hình: Chủ động tuyên truyền rộng rãi tới người chăn nuôi về tác dụng của việc tiêm phòng vắc xin cho đàn gia súc, gia cầm để tích cực hưởng ứng tham gia chiến dịch tiêm phòng đạt kết quả cao.

6. Thành viên BCD phòng chống dịch bệnh động vật: Thực hiện theo chức năng nhiệm vụ, tăng cường đôn đốc công tác tiêm phòng cho đàn gia súc, gia cầm tại các xã, thị trấn, đồng thời tuyên truyền hướng dẫn các hộ chăn nuôi tích cực thực hiện tiêm phòng triệt để cho đàn vật nuôi.

Để tránh tình trạng tiêm phòng chậm, kéo dài thời gian làm ảnh hưởng đến chất lượng vắc xin và khả năng miễn dịch của đàn gia súc, gia cầm. UBND huyện yêu cầu UBND các xã, thị trấn, các phòng ngành liên quan phải triển khai đồng loạt dứt điểm, kiên quyết theo đúng thời gian quy định. Hộ chăn nuôi không tiêm phòng để dịch xảy ra phải buộc tiêu hủy và không được Nhà nước hỗ trợ. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, khó khăn báo cáo ngay về BCD phòng chống dịch bệnh động vật và UBND huyện để có biện pháp giải quyết kịp thời. /.

Nơi nhận:

- Sở Nông nghiệp&PTNT, Chi cục CN&TY;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Thành viên BCD phòng chống DBĐV;
- Như kính gửi;
- Lưu: VT, NN&PTNT.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Yên

Nguyễn Thị Yên



GIAO CHỈ TIÊU TIÊM PHÒNG GIA SÚC, GIA CẦM ĐỢT 2 NĂM 2018

(Theo Công văn số 324/UBND-NN&PTNT ngày 05/5/2018 của UBND huyện Đông Hồ về việc triển khai công tác tiêm phòng vắc xin gia súc, gia cầm và đàn chó, mèo đợt 2 năm 2018)

TT	Xã, thị trấn	Loại vắc xin (liều)												Đại
		THT Trâu, bò			Dịch tả lợn			Tụ - Dấu lợn			LMLM			
		Kế hoạch 2018	Thực hiện Đợt 1	Kế hoạch Đợt 2	Kế hoạch 2018	Thực hiện Đợt 1	Kế hoạch Đợt 2	Kế hoạch 2018	Thực hiện Đợt 1	Kế hoạch Đợt 2	Kế hoạch 2018	Thực hiện Đợt 1	Kế hoạch Đợt 2	
1	Văn Hán	910	450	460	1.650	900	750	1.650	900	750	600	400	200	
2	TT.Sông Cầu	120	40	80	2.100	810	1.290	2.100	810	1.290	250	150	100	100
3	Nam Hòa	1.450	900	700	5.320	3.500	1.820	5.325	1.500	3.825	1.300	850	650	
4	Quang Sơn	900	550	400	2.100	1.400	1.000	2.010	1.305	800	1.000	650	500	
5	Minh Lập	960	600	500	3.300	2.100	1.800	3.300	2.100	1.500	1.400	850	650	
6	Khe Mo	750	480	300	4.650	3.000	2.000	4.350	1.905	2.445	1.000	650	500	
7	Hòa Bình	160	100	80	2.100	1.410	1.200	2.100	1.410	1.000	250	200	100	
8	Tân Lợi	1.300	780	600	3.000	1.900	1.200	2.845	1.905	1.200	1.200	800	550	
9	Hóa Thượng	410	260	200	3.000	1.900	1.200	3.000	1.950	1.300	700	450	250	
10	Hóa Trung	470	300	200	1.950	1.300	700	2.025	1.395	1.000	550	375	200	
11	TT.Trại Cau	270	150	120	2.030	1.000	1.030	1.905	1.005	900	500	300	200	
12	Cây Thị	700	320	380	1.500	950	700	1.545	1.005	800	500	325	200	
13	Tân Long	1.200	500	700	3.000	1.000	2.000	2.865	1.005	1.860	1.150	500	650	
14	Văn Lăng	1.000	850	700	2.400	1.600	1.200	2.280	1.500	900	1.300	850	600	
15	Hợp Tiên	1.400	850	700	2.900	1.900	1.500	2.700	1.800	1.500	1.300	900	700	
	15	12.000	7.130	6.120	41.000	24.670	19.390	40.000	21.495	21.070	13.000	8.250	6.050	100